

## TÀI LIỆU KỸ THUẬT

# BK018HA - BUFFERED PEPTONE WATER

### PHA LOÃNG

### MÔI TRƯỜNG TĂNG SINH

## 1 MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Buffered Peptone Water là một chất pha loãng thông dụng được sử dụng trong nhiều thí nghiệm và tiêu chuẩn bao gồm chuẩn bị mẫu, chuẩn bị các chất pha sẵn và dãy pha loãng mẫu (theo tiêu chuẩn ISO 6887).

Môi trường này cũng được sử dụng để tiền tăng sinh *Salmonella* và *Cronobacter sakazakii*, bằng cách phục hồi các hệ vi khuẩn từng trải qua các phương pháp xử lý như: sấy khô, khử trùng theo phương pháp Pasteur, hoạt động của chất khử trùng, tăng áp suất thẩm thấu và nồng độ acid (NF EN ISO 6579-1, ISO 22964...).

## 2 NGUYÊN TẮC

Sodium chloride duy trì sự cân bằng thẩm thấu.

Môi trường được đệm với Natri và Kali phosphates.

## 3 THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG

Thành phần có thể được điều chỉnh tùy theo mục đích sử dụng.

Cho 1 lít môi trường:

- Peptone .....	10,00 g
- Sodium chloride .....	5,00 g
- Disodium phosphate, anhydrous .....	3,57 g
- Monopotassium phosphate, anhydrous .....	1,50 g

pH sử dụng ở 25 °C: 7,0 ± 0,2.

Cho 25,5 g môi trường khan BK018

Peptone ..... 10,0 g  
Sodium chloride ..... 5,0 g  
Disodium phosphate, **dodecahydrated** ..... 9,0 g  
Monopotassium phosphate, **anhydrous**..... 1,5 g

Cho 20 g môi trường khan BK131

Peptone ..... 10,0 g  
Sodium chloride ..... 5,0 g  
Disodium phosphate, **anhydrous**..... 3.57 g  
Monopotassium phosphate, **anhydrous**... 1,5 g

#### 4 CHUẨN BỊ

- Hòa tan 25.5g môi trường khan (BK018) hoặc 20.0g (BK131) vào 1 lít nước vô trùng hoặc đã khử khoáng.
- Khuấy cho đến khi môi trường tan hoàn toàn.
- Chiết vào trong các ống nghiệm hoặc bình.
- Hấp vô trùng ở 121°C trong 15 phút
- Làm mát đến nhiệt độ phòng

**Chú ý:** Đối với Buffered peptone water nồng độ đôi thì hòa tan 51.0g môi trường khan BK018 hoặc 40.0g môi trường BK131 trong một lít nước vô trùng hoặc đã khử khoáng.

#### 5 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

##### Pha loãng, tiền tăng sinh:

- Thêm 10 hoặc 25 g sản phẩm cần phân tích vào bình chứa 90 hoặc 225 mL môi trường đã chuẩn bị như trên (hoặc môi trường pha sẵn BM057 hoặc BM010).
- Đồng nhất với máy trộn để thu được dung dịch lưu trữ mẫu hoặc môi trường tiền tăng.
- Đối với tăng sinh *Salmonella* hoặc enterobacteria, Ủ theo các phương pháp kiểm định phù hợp.

##### Đối với dãy pha loãng mẫu:

- cho 1 mL của dịch lưu trữ mẫu vào ống chứa 9 mL môi trường đã chuẩn bị như trên, hoặc sử dụng môi trường pha sẵn (BM056).
- Trộn đều.
- Lặp lại thao tác trên nhiều lần cho đến khi có được độ pha loãng như ý muốn.

**Chú ý:** Để phân tích những sản phẩm có tính acid (pH giữa 4.5 và 3.5), thì nên sử dụng môi trường Buffered peptone water nồng độ đôi (ISO 6887).

## 6 QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

**Môi trường khan:** Bột màu trắng kem, chảy tự do và đồng nhất.

**Môi trường chuẩn bị sẵn:** dung dịch màu hổ phách, trong suốt, có thể có một ít kết tủa khi bảo quản lâu.

Phản ứng tiêu biểu (NF EN ISO 11133):

Vi sinh		Tăng trưởng
(1) <i>Salmonella</i> Typhimurium	WDCM 00031	Dương tính, score 2
(1) <i>Salmonella</i> Enteritidis	WDCM 00030	Dương tính, score 2
(1) <i>Escherichia coli</i>	WDCM 00012	Dương tính, score 2
(2) <i>Listeria monocytogenes</i> 4b	WDCM 00021	± 30 % KL / T <sub>0</sub>
(2) <i>Listeria monocytogenes</i> ½a	WDCM 00109	± 30 % KL / T <sub>0</sub>
(3) <i>Escherichia coli</i>	WDCM 00012	± 30 % KL / T <sub>0</sub>
(3) <i>Staphylococcus aureus</i>	WDCM 00034	± 30 % KL / T <sub>0</sub>

(1) Sau 18 giờ ủ ở 37 °C (cấy ≤ 10<sup>2</sup> vi sinh vật)

(2) Sau 60 phút ủ ở 20 °C

(3) Sau 45-60 phút ủ ở 20-25 °C

## 7 LƯU TRỮ/ BẢO QUẢN

**Môi trường khan:** 2-30 °C.

**Môi trường pha sẵn trong ống, lọ hoặc túi dẻo:** 2-25 °C.

Hạn sử dụng ghi trên nhãn.

**Môi trường chuẩn bị sẵn trong ống hoặc lọ (\*):** 6 tháng 2-25 °C.

(\*) Giá trị chuẩn được ghi nhận trong điều kiện tiêu chuẩn, theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

## 8 ĐÓNG GÓI

**Môi trường khan (25,5 g/L):**

Chai 500g ..... BK018HA

Thùng 5kg .....BK018GC

**Môi trường khan (20 g/L):**

Chai 500g ..... BK131HA

Thùng 5kg ..... BK131GC

**Môi trường pha sẵn:**

50 ống x 9mL ..... BM05608

10 lọ x 225 mL vials ..... BM01008

10 lọ x 90 mL.....	BM05708
3 túi dẻo x 3L .....	BM13108
2 túi dẻo x 5L.....	BM13208
40 túi dẻo x 5L .....	BM21408

## 9 TÀI LIỆU THAM KHẢO

---

NF U 47-100. Juillet 2007. Méthodes d'analyse en santé animale. Recherche par l'isolement et identification de tout sérovar ou de sérovar(s) spécifié(s) de salmonelles dans l'environnement des productions animales.

NF U 47-101. Novembre 2007. Méthodes d'analyse en santé animale. Isolement et identification de tout sérovar ou de sérovar(s) spécifié(s) de salmonelles chez les oiseaux.

NF U 47-102. Janvier 2008. Méthodes d'analyse en santé animale. Isolement et identification de tout sérovar ou de sérovar(s) spécifié(s) de salmonelles chez les mammifères.

NF EN ISO 6887-5. Octobre 2010. Microbiologie des Aliments. Préparation des échantillons, de la suspension mère et des dilutions décimales en vue de l'examen microbiologique - Partie 5 : Règles spécifiques pour la préparation du lait et des produits laitiers.

NF V 08-407. Décembre 2011. Microbiologie alimentaire. Matières premières entrant dans la composition des conserves. Dénombrement des spores thermorésistantes de *Bacillus* et *Clostridium* thermophiles. Technique du nombre le plus probable.

NF EN ISO 19250. Juin 2013. Qualité de l'eau. Recherche de *Salmonella* spp..

NF EN ISO 11133. Juillet 2014. Microbiologie des aliments, des aliments pour animaux et de l'eau - Préparation, production, stockage et essais de performance des milieux de culture (Tirage 2 (2016-01-01)).

NF EN ISO 6579-1. Avril 2017. Microbiologie de la chaîne alimentaire - Méthode horizontale pour la recherche, le dénombrement et le sérotypage des *Salmonella* - Partie 1 : recherche des *Salmonella* spp..

NF EN ISO 22964. Juin 2017. Microbiologie de la chaîne alimentaire - Méthode horizontale pour la détection de *Cronobacter* spp..

NF EN ISO 6887-1. Juin 2017. Microbiologie de la chaîne alimentaire - Préparation des échantillons, de la suspension mère et des dilutions décimales en vue de l'examen microbiologique - Partie 1 : règles générales pour la préparation de la suspension mère et des dilutions décimales.

NF EN ISO 6887-2. Juin 2017. Microbiologie de la chaîne alimentaire - Préparation des échantillons, de la suspension mère et des dilutions décimales en vue de l'examen microbiologique - Partie 2 : règles spécifiques pour la préparation des viandes et produits carnés.

NF EN ISO 6887-3. Juin 2017. Microbiologie de la chaîne alimentaire - Préparation des échantillons, de la suspension mère et des dilutions décimales en vue de l'examen microbiologique - Partie 3 : règles spécifiques pour la préparation des produits de la pêche.

NF EN ISO 6887-4. Juin 2017. Microbiologie de la chaîne alimentaire - Préparation des échantillons, de la suspension mère et des dilutions décimales en vue de l'examen microbiologique - Partie 4 : règles spécifiques pour la préparation de produits variés.

NF EN ISO 11290-2. Juillet 2017. Microbiologie de la chaîne alimentaire - Méthode horizontale pour la recherche et le dénombrement de *Listeria monocytogenes* et de *Listeria* spp. - Partie 2 : méthode de dénombrement.

NF EN ISO 21528-1. Juillet 2017. Microbiologie de la chaîne alimentaire - Méthode horizontale par la recherche et le dénombrement des *Enterobacteriaceae* - Partie 1 : recherche des *Enterobacteriaceae*.

## 10 THÔNG TIN THÊM

---

Các thông tin ghi trên nhãn sẽ có giá trị hơn các công thức hoặc hướng dẫn trong tài liệu này. Các thông tin này có thể bị thay đổi bất cứ khi nào.

Mã tài liệu:                BUFFERED PEPTONE WATER\_ENv19  
Ngày tạo                :        06-2003  
Ngày cập nhật         :        02-2020  
Lý do sử đổi:            Thêm định dạng sản phẩm mới